

mà tùy tiện xử phạt, thì tùy theo mức độ, tính chất vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại về quyết định xử phạt lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định xử phạt.

Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại và người bị khiếu nại, thủ tục khiếu nại; thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm hành chính về nghĩa vụ lao động công ích thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 27. Nghị định này thay thế Nghị định số 56/HĐBT ngày 30 tháng 5 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Bãi bỏ các quy định trước đây trái Nghị định này.

Điều 28. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng các Bộ có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 29. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 01/2001/ND-CP ngày 04/1/2001 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng là hành vi vô ý hoặc cố ý của tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hàng không dân dụng mà chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng quy định tại Nghị định này bao gồm:

- a) Vi phạm trong hoạt động khai thác bay;
- b) Vi phạm trong hoạt động quản lý bay;
- c) Vi phạm trong hoạt động vận chuyển hàng không;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

d) Vi phạm các quy định về bán vận chuyển, giá cước và dịch vụ đặt chỗ;

đ) Vi phạm trong hoạt động khai thác cảng hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng trên lãnh thổ Việt Nam và vùng trời thuộc trách nhiệm quản lý của Việt Nam đều bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

3. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng bị xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 và Điều 6 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt.

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải tuân theo các quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các quy định cụ thể tại Nghị định này.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải do người có thẩm quyền quy định tại các Điều 13, 14 và 15 của Nghị định này thực hiện.

3. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải được đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành kịp thời, công minh; mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khẩn trương khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Việc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra được tiến hành theo

thỏa thuận giữa các bên. Đối với thiệt hại đến 1.000.000 đồng mà các bên không tự thỏa thuận được thì người có thẩm quyền xử phạt quyết định mức bồi thường; những thiệt hại trên 1.000.000 đồng được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

5. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình thức, biện pháp, mức xử phạt thích hợp. Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại các Điều 7 và 8 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

6. Không xử phạt hành chính trong trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc cá nhân có hành vi vi phạm khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

7. Nghiêm cấm việc giữ lại các vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử phạt hành chính.

Điều 4. Các hình thức xử phạt.

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng còn bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp sau:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

b) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra đối với những thiệt hại đến 1.000.000 đồng;

d) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, văn hóa phẩm độc hại.

4. Hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung và các biện pháp xử lý đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng được quy định cụ thể tại Chương II của Nghị định này.

5. Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức phạt phải tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt tiền có thể giảm xuống thấp hơn nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung phạt tiền; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức phạt tiền có thể tăng lên cao hơn nhưng không vượt quá mức tối đa của khung phạt tiền.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt.

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng là 1 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 và 3 của Điều này.

2. Thời hiệu xử phạt là 2 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính được áp dụng đối với hành vi vi phạm về giá cước, lệ phí hàng

không, xây dựng, lắp đặt công trình và trang thiết bị phục vụ hoạt động hàng không dân dụng.

3. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì bị xử phạt vi phạm hành chính nếu có dấu hiệu vi phạm hành chính. Thời hiệu xử phạt trong trường hợp này là 3 tháng kể từ khi có quyết định đình chỉ.

4. Nếu quá thời hạn nói tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này thì không bị xử phạt nhưng có thể áp dụng các biện pháp sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

b) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, văn hóa phẩm độc hại.

5. Trong thời hạn được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này, nếu cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính mới hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt được tính từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc từ thời điểm trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt.

Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, nếu quá 1 năm kể từ ngày thi hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm, thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 7. Vi phạm trong hoạt động khai thác bay.

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đưa vào sử dụng tàu bay, động cơ và các trang thiết bị của tàu bay yêu cầu có giấy phép mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các quy định của giấy phép được cấp;

b) Làm hư hại tàu bay hoặc trang thiết bị của tàu bay.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện chuyến bay trên lãnh thổ Việt Nam không có đầy đủ thành phần tổ bay phù hợp với pháp luật của quốc gia đăng ký tàu bay;

b) Tàu bay không có dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký khi bay trên lãnh thổ Việt Nam;

c) Không có chứng chỉ đủ điều kiện bay còn hiệu lực phù hợp với quy định của quốc gia đăng ký tàu bay và phù hợp với các tiêu chuẩn mà Việt Nam thừa nhận;

d) Vi phạm các quy định về lắp đặt hoặc sử dụng thiết bị vô tuyến trên tàu bay hoặc thiết bị vô tuyến đặt ở mặt đất để liên lạc với tàu bay trong lãnh thổ Việt Nam;

đ) Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa hoặc tiến hành thử nghiệm tàu bay, động cơ và trang thiết bị trên tàu bay mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các quy định của giấy phép được cấp.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Vi phạm quy tắc chuẩn bị chuyến bay, làm thủ tục chuyến bay và lập kế hoạch bay;

b) Thả các thiết bị, vật dụng vào không trung gây mất an toàn bay;

c) Vi phạm các quy định về bảo đảm trọng tâm, trọng tải tàu bay;

d) Vi phạm quy định về mang bằng, chứng chỉ,

giấy tờ, tài liệu khi khai thác tàu bay và các thiết bị kỹ thuật hàng không;

đ) Vi phạm các quy định của bằng, chứng chỉ hoặc không thực hiện các yêu cầu đối với giấy tờ, tài liệu khi khai thác tàu bay và các trang thiết bị hàng không;

e) Không báo cáo kịp thời về tai nạn, sự cố kỹ thuật nghiêm trọng của tàu bay và các trang thiết bị hàng không;

g) Vi phạm thủ tục kiểm tra an toàn và an ninh hàng không.

4. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Vi phạm trật tự, kỷ luật trong tàu bay, không tuân thủ mệnh lệnh của người chỉ huy tàu bay khi tàu bay đang bay;

b) Không thông báo kịp thời tin tức về tai nạn tàu bay cho chính quyền địa phương, tổ chức tìm kiếm - cứu nguy hoặc tổ chức hàng không gần nhất;

c) Không thực hiện nghĩa vụ giúp đỡ tìm kiếm - cứu nguy người, bảo quản tàu bay bị nạn và tài sản trên tàu bay đó.

5. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hoạt động khai thác bay.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, bằng, chứng chỉ đến 3 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, các điểm d và đ khoản 3 của Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép đến 6 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 của Điều này.

7. Buộc khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này.

Điều 8. Vi phạm trong hoạt động quản lý bay.

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện chuyến bay chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

b) Tự ý thay đổi hành trình bay, chế độ bay mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Bay vào khu vực cấm bay, khu vực hạn chế, khu vực nguy hiểm khi không được phép của cơ quan có thẩm quyền;

d) Cung cấp các thông tin không trung thực hoặc có những hành vi lừa dối khi xin phép bay;

đ) Vi phạm điều kiện quy định ở phép bay được cấp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện chuyến bay quốc tế cất cánh, hạ cánh tại sân bay nội địa mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Không thông báo cho cơ quan cấp phép bay khi tự hủy chuyến bay đã được cấp phép;

c) Thực hiện hạ cánh ở những nơi không được quy định ở phép bay, trừ trường hợp hạ cánh bất buộc;

d) Thực hiện chuyến bay thao diễn, luyện tập trên khu vực đông dân mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Bay không đúng đường hàng không quy định;

b) Vi phạm các phương thức thực hành bay;

c) Không tuân thủ quy tắc bay qua biên giới;

d) Không chấp hành huấn lệnh của cơ quan quản lý bay khi không có lý do chính đáng;

đ) Không thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý bay khi không thực hiện nhiệm vụ chuyến

bay, kế hoạch bay hoặc sự chỉ dẫn của cơ quan quản lý bay;

e) Can thiệp vào hoạt động điều hành bay mà không được phép của người có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện các công việc trong lĩnh vực quản lý bay (không lưu, không báo và bản đồ hàng không, thông tin, dẫn đường, giám sát, khẩn nguy sân bay, tìm kiếm cứu nạn, khí tượng hàng không) mà không có bằng hoặc chứng chỉ còn giá trị do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Khai thác các thiết bị, phương tiện chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý bay khi chưa được cấp giấy phép khai thác theo quy định;

c) Vi phạm các tiêu chuẩn, điều kiện khai thác, vận hành, sửa chữa, hiệu chuẩn các thiết bị chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý bay;

d) Vi phạm các tiêu chuẩn về tinh không hàng không;

đ) Chiếm dụng hoặc khai thác trùng lấp các tần số rada, vô tuyến dành riêng cho hoạt động hàng không dân dụng mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện nghĩa vụ báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý bay thích hợp hoặc không thực hiện chỉ dẫn của cơ quan quản lý bay trong trường hợp phát hiện người, phương tiện giao thông hoặc tài sản khác bị nạn ngoài tàu bay;

b) Chụp ảnh, quay phim từ trên không, sử dụng các thiết bị điện tử hoặc liên lạc vô tuyến cá nhân trên tàu bay khi không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền kiểm tra hoạt động quản lý bay.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép đến 3 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 của Điều này.

8. Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, đ khoản 4 của Điều này.

Điều 9. Vi phạm trong hoạt động vận chuyển hàng không.

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm như súng đạn, chất nổ, chất dễ cháy bằng tàu bay mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Vận chuyển hành khách, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các quy định của giấy phép được cấp.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng tàu bay.

3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi đưa người, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện và các đồ vật khác lên tàu bay không đúng thủ tục quy định.

4. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hoạt động vận chuyển hàng không.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép đến 6 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép vô thời hạn

đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 10. Vi phạm các quy định về bán vận chuyển, giá cước và dịch vụ đặt chỗ.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện hoạt động bán vận chuyển hàng không tại Việt Nam khi chưa được phép hoặc chưa đăng ký với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm quy định của giấy phép được cấp;

b) Xuất vận đơn hàng không thứ cấp khi chưa được phép hoặc chưa đăng ký với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm quy định của giấy phép được cấp;

c) Vi phạm những quy định về áp dụng giá cước vận chuyển hàng không;

d) Thực hiện hoạt động khai thác hệ thống đặt chỗ bằng máy tính tại Việt Nam khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các quy định của giấy phép được cấp;

đ) Khai thác hệ thống quản lý chỗ dùng riêng tại Việt Nam khi chưa đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc sử dụng hệ thống quản lý chỗ dùng riêng vào việc phân phối dịch vụ của các doanh nghiệp khai thác hệ thống đặt chỗ bằng máy tính tại Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thay đổi địa điểm văn phòng bán vé khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Không thực hiện chế độ báo cáo hoạt động bán vận chuyển hàng không tại Việt Nam theo quy định;

c) Không thực hiện nghĩa vụ theo quy định về phân phối sản phẩm vận chuyển hàng không tại Việt Nam khi khai thác hệ thống đặt chỗ bằng

máy tính và sử dụng dịch vụ đặt chỗ bằng máy tính;

d) Thực hiện chức năng đại diện cho các hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam khi chưa được phép hoặc chưa đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các quy định của giấy phép được cấp.

3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hoạt động bán vận chuyển, giá cước và dịch vụ đặt chỗ.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép đến 6 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b, d khoản 1 và điểm d khoản 2 của Điều này.

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 của Điều này.

5. Buộc bồi thường thiệt hại đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 của Điều này.

Điều 11. Vi phạm trong hoạt động khai thác cảng hàng không.

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thành lập, mở rộng, cải tạo cảng hàng không, sân bay mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các quy định của giấy phép được cấp;

b) Mở cảng hàng không, sân bay cho giao lưu hàng không quốc tế mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các quy định của giấy phép được cấp.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm hư hỏng hệ thống tín hiệu, trang thiết bị, đài trạm thông tin, chỉ huy bay, các trang thiết bị khác trong khu bay;

b) Điều khiển, đưa vào khai thác tại khu bay các phương tiện mặt đất không đáp ứng điều kiện kỹ thuật;

c) Xây dựng công trình kiến trúc, lắp đặt trang bị, thiết bị, trồng cây tại khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay khi không được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc hạn chế tĩnh không sân bay gây ảnh hưởng đến hoạt động và bảo đảm an toàn của cảng hàng không, sân bay.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm hỏng trang thiết bị tại cảng hàng không;

b) Đưa vũ khí, chất cháy, chất nổ, các đồ vật và chất nguy hiểm khác vào các khu vực hạn chế tại cảng hàng không mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Đưa người, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện và các đồ vật khác chưa được làm thủ tục vận chuyển hàng không và kiểm tra an ninh hàng không vào các khu vực hạn chế tại cảng hàng không;

d) Phá hủy, gây hư hại, làm biến dạng, di chuyển vật đánh dấu, vật ngăn cách, vật ghi tín hiệu, vật bảo vệ tại cảng hàng không.

4. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm hư hỏng tài sản, trang thiết bị tại sân đỗ ô tô thuộc khu vực cảng hàng không, sân bay;

b) Điều khiển phương tiện mà không có bằng, chứng chỉ hoặc không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các quy định của giấy phép được cấp đối với hoạt động tại các khu vực của cảng hàng không (đi lại không đúng luồng, tuyến, vượt quá tốc độ quy định hoặc đỗ không đúng vị trí);

c) Không mua lệ phí khi vào hoạt động tại sân đỗ ô tô thuộc khu vực cảng hàng không, sân bay;

d) Cho thuê, mượn, giả mạo giấy phép để vào

sân đỗ ô tô thuộc khu vực cảng hàng không, sân bay;

d) Gây mất trật tự an toàn đối với hoạt động tại sân đỗ ô tô thuộc khu vực cảng hàng không, sân bay;

e) Đặt các vật thu hút chim chóc tụ tập trong khu vực cảng hàng không;

g) Treo biển quảng cáo, dán tranh áp phích, cổ động trong khu vực cảng hàng không mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm quy định của giấy phép được cấp;

h) Tiến hành hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong khu vực cảng hàng không mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm quy định của giấy phép được cấp;

i) Vi phạm các quy định về sử dụng thẻ nhận dạng, thẻ kiểm soát an ninh hàng không và giấy phép hoạt động tại cảng hàng không;

k) Vi phạm các quy tắc đặt đèn hiệu, ký hiệu nhận biết các tòa nhà, công trình trong khu vực lân cận cảng hàng không;

l) Đặt trong khu vực cảng hàng không các ký hiệu, thiết bị giống các ký hiệu, thiết bị dùng để nhận biết sân bay;

m) Đặt các vật dễ cháy, vật nổ trong khu vực cảng hàng không.

5. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tự ý vào khu vực cách ly;

b) Làm hư hại các ký hiệu nhận biết cảng hàng không, sân bay;

c) Chăn thả trâu, bò, gia súc trong khu vực đường băng, đường lăn, sân đỗ tàu bay, lề bảo hiểm của đường cất - hạ cánh;

d) Cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép đến 6 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này.

b) Tước quyền sử dụng giấy phép vô thời hạn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, d, g, h và i khoản 4 của Điều này.

7. Buộc khắc phục hậu quả hoặc tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép và bồi thường thiệt hại nếu có đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a, c khoản 2, điểm a, d khoản 3, điểm a, e, g, k, l, m khoản 4 và điểm b khoản 5 của Điều này.

Điều 12. Áp dụng các văn bản pháp luật khác về xử phạt vi phạm hành chính.

1. Các hành vi vi phạm an ninh trật tự tại khu vực cảng hàng không bị xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 49/CP ngày 15 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

2. Các hành vi gây mất vệ sinh hoặc ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực cảng hàng không bị xử phạt theo các quy định tương ứng của Nghị định số 26/CP ngày 26 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường và Nghị định số 46/CP ngày 06 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về y tế.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

Điều 13. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền xử phạt theo quy định tại các Điều 26, 27 và 28 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính trong các

lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương có liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng.

Điều 14. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra chuyên ngành hàng không dân dụng.

1. Chánh Thanh tra chuyên ngành hàng không dân dụng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;

d) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp xử lý khác quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thanh tra viên chuyên ngành hàng không dân dụng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 11 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 15. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan công an, hải quan và thuế.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan công an, hải quan và thuế có quyền xử phạt đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng theo quy định tại các Điều 29, 30 và 32 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Nguyên tắc phân định thẩm quyền xử phạt.

1. Các cơ quan thanh tra chuyên ngành có thẩm

quyền xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý.

2. Trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan thì việc xử phạt do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

Chương IV

THỦ TỤC XỬ PHẠT

Điều 17. Thủ tục áp dụng hình thức xử phạt chính.

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, người có thẩm quyền xử phạt phải ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm hành chính.

2. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo thì người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt tại chỗ theo thủ tục đơn giản quy định tại Điều 46 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền thì người có thẩm quyền xử phạt phải kịp thời lập biên bản về vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 47 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Nếu người lập biên bản không đủ thẩm quyền xử phạt hoặc không có thẩm quyền xử phạt thì phải kịp thời gửi biên bản và các hồ sơ liên quan đến cấp có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản về vi phạm hành chính, người có thẩm quyền phải ra quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 48 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Nếu có nhiều tình tiết phức tạp, thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

4. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc ngày được ghi trong quyết định nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định xử phạt phải được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt và nơi thu tiền phạt trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt. Quyết định phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên phải được gửi cho Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp.

5. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền phạt tại nơi ghi trong quyết định xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Hàng không dân dụng Việt Nam quy định việc thu và sử dụng tiền phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

6. Nghiêm cấm người xử phạt trực tiếp thu tiền phạt.

Điều 18. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép.

1. Thủ tục tước quyền sử dụng các loại giấy phép về hoạt động hàng không dân dụng tuân theo quy định tại Điều 50 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

a) Người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm cố tình không chấm dứt hành vi vi phạm hoặc có nhiều khả năng tiếp tục vi phạm sau khi đã có quyết định đình chỉ vi phạm;

b) Người có thẩm quyền xử phạt quyết định áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép phải ghi rõ trong quyết định xử phạt về tên, loại, số giấy phép và thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, đồng thời phải có văn bản thông báo cho cơ quan đã cấp giấy phép đó biết, trong đó ghi rõ lý do và thời hạn giấy phép bị tước quyền sử dụng;

c) Trường hợp xét thấy loại giấy phép hoặc thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép cần áp dụng vượt quá thẩm quyền quyết định của mình, người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định đình chỉ hành vi vi phạm và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử phạt cấp trên hoặc cơ quan đã cấp giấy phép đó ra quyết định tước quyền sử dụng hoặc thu hồi giấy phép.

2. Người có thẩm quyền xử phạt quyết định áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn đối với trường hợp xét thấy tổ chức, cá nhân vi phạm có thể thực hiện các biện pháp khắc phục, hạn chế hậu quả do hành vi vi phạm gây ra, chấm dứt vi phạm và loại bỏ các nguyên nhân, điều kiện tiếp tục vi phạm sau một thời hạn nhất định.

a) Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép được áp dụng phải nằm trong thời hạn được quy định đối với hành vi vi phạm liên quan và tương ứng với khoảng thời gian cần thiết cho tổ chức, cá nhân vi phạm có thể khắc phục, hạn chế hậu quả vi phạm, thực hiện đầy đủ các yêu cầu quy định trong quyết định xử phạt và loại bỏ các nguyên nhân, điều kiện tiếp tục vi phạm;

b) Kết thúc thời hạn ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định tước quyền sử dụng giấy phép phải trả lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân sử dụng giấy phép đó.

3. Người có thẩm quyền xử phạt quyết định áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc kiến nghị cơ quan đã cấp giấy phép đó thu hồi giấy phép đối với trường hợp vi phạm có tổ chức, quy mô lớn hoặc tái phạm nhiều lần.

4. Trường hợp phát hiện giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền, không tuân thủ theo thủ tục quy định hoặc có nội dung trái pháp luật thì người có thẩm quyền xử phạt phải thu hồi ngay giấy phép, đồng thời thông báo kịp thời cho cơ quan đã cấp giấy phép và các cơ quan có thẩm quyền liên quan biết.

Điều 19. Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

1. Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải tuân theo quy định tại Điều 51 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị từ 5.000.000 đồng trở

lên phải gửi ngay cho Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3. Việc xử lý tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải tuân theo quy định tại Điều 52 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 20. Thi hành quyết định xử phạt.

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải thi hành quyết định xử phạt trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và được ghi rõ trong quyết định xử phạt. Quá thời hạn trên, tổ chức, cá nhân bị xử phạt không tự giác chấp hành thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành.

2. Việc tổ chức cưỡng chế thi hành và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt phải tuân theo quy định tại Điều 21 của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.

1. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng được thực hiện theo các biện pháp sau:

a) Khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập; khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng;

b) Kê biên phân tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

c) Các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm có quyền ra quyết định cưỡng chế và có trách nhiệm tổ chức việc cưỡng chế.

3. Lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm

thi hành quyết định cưỡng chế của Ủy ban nhân dân cùng cấp và phải phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của các cơ quan đó khi được yêu cầu.

4. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Điều 22. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng hết hiệu lực thi hành sau một năm kể từ ngày ra quyết định; trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì không áp dụng thời hiệu nói tại Điều này.

Chương V

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người đã ra quyết định.

a) Thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải tuân theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

b) Trong thời gian chờ đợi kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng vẫn phải thi hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp buộc tháo dỡ công trình xây dựng;

c) Trong trường hợp không đồng ý với việc giải

quyết khiếu nại thì tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng có thể khởi kiện tại tòa hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Công dân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng của các tổ chức, cá nhân khác theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Việc giải quyết tố cáo của công dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 24. Xử lý vi phạm.

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt vượt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng nếu có hành vi cản trở, chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc thực hiện quyết định xử phạt hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 108 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995, các mức xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng được điều chỉnh, áp dụng theo Nghị định này.

Điều 26. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 149/2000/QĐ-TTg ngày 28/12/2000 về một số chính sách ưu đãi đối với đội viên các đội trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 www.ThuVienPhapLuat.com 09660383